

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5480/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Quận 8 về thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu, chi ngân sách Quận 8 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Quận 8 về phân bổ ngân sách Quận 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 tại Tờ trình số 635/TTr-TCKH ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân 16 phường như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.509 tỷ đồng.
2. Dự toán chi thường xuyên ngân sách: 1.158,780 tỷ đồng (chưa bao gồm nguồn vốn đầu tư và nguồn kết dư ngân sách năm 2020).

Dự toán chi ngân sách từ nguồn kết dư ngân sách năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Quận 8 và các quy định có liên quan.

* Đính kèm các phụ lục.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2021 được giao:

1. Ủy ban nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường quyết định dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2021; phê duyệt dự toán ngân sách phường năm 2021 trước ngày 31 tháng 12 năm 2020, trích quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định; báo cáo dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định về Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường:

- Thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định; phân bổ dự toán ngân sách (bao gồm thu, chi từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định), chi tiết các nội dung chi gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8 trước ngày 15 tháng 01 năm 2021 để theo dõi, quản lý.

- Thực hiện xác định nguồn, nhu cầu và chi trả kinh phí thu nhập tăng thêm theo đúng Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Bố trí kinh phí cho những nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị; xây dựng chương trình và thực hiện có hiệu quả việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và công khai tài chính, tài sản, tự kiểm tra tài chính - kế toán, báo cáo kết quả về Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8.

- Đối với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Quận 8, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí trong phạm vi dự toán được giao, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT: QU-HĐND-UBND Quận 8;
- VP (C, PVP, Trân);
- Lưu: VT.



Trần Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

DỰ TOÁN CHẤP HÀNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Theo Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân quận 8)

Chương: 622 Loại: 070 Khoản: 073

Mã số: 1073093. Số TK: 9523.3 1052057 .Loại KP:13

ĐVT: đồng

Mục	Tiểu mục	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 được duyệt	CHIA RA			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	2	3	4	5	6
		TỔNG CHI:	11.416.404.000	3.051.269.745	2.953.169.745	3.129.347.745	2.980.925.430
		Tổng số người (1+2)					
		Trong đó: - Biên chế 116	116	116	116	116	116
		Hợp đồng 8 (HĐND68.3)	11	11	11	11	11
		2) Hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên	-	-	-	-	-
		3) Số giáo viên	111	111	111	111	111
		4) Số học sinh	2912	2912	2912	2912	2912
		5) Số lớp	60	60	60	60	60
		Thanh toán cá nhân	11.340.404.000	3.040.019.745	2.905.919.745	3.118.097.745	2.974.675.430
6000		TIỀN LƯƠNG	6.357.173.000	1.589.293.250	1.589.293.250	1.785.271.250	1.678.164.250
	6001	Lương theo ngạch, bậc	6.357.173.000	1.589.293.250	1.589.293.250	1.785.271.250	1.589.293.250
	6003	Lương hợp đồng theo chế độ					
	6049	Lương khác (truy nâng lương)					88.871.000
6050		TIỀN CÔNG	224.700.000	56.175.000	56.175.000	56.175.000	56.175.000
		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng					
	6051		224.700.000	56.175.000	56.175.000	56.175.000	56.175.000
6100		PHỤ CẤP LƯƠNG	2.978.507.000	737.735.750	741.635.750	741.635.750	741.635.750
	6101	Phụ cấp chức vụ	65.886.000	16.471.500	16.471.500	16.471.500	16.471.500
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.612.548.000	403.137.000	403.137.000	403.137.000	403.137.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm			3.900.000	3.900.000	3.900.000
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề	1.248.285.000	312.071.250	312.071.250	312.071.250	312.071.250
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	51.788.000	6.056.000	6.056.000	6.056.000	6.056.000
6250		PHÚC LỢI TẬP THỂ	-	-	-	-	-
	6299	Các khoản khác					
6300		CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	1.553.824.000	465.315.745	465.315.745	465.315.745	486.200.430
	6301	Bảo hiểm xã hội	1.190.514.000	346.511.725	346.511.725	346.511.725	362.064.150
	6302	Bảo hiểm y tế	161.498.000	59.402.010	59.402.010	59.402.010	62.068.140
	6303	Kinh phí công đoàn	133.664.000	39.601.340	39.601.340	39.601.340	41.378.760
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	68.148.000	19.800.670	19.800.670	19.800.670	20.689.380
6400		CÁC KHOẢN TT CÁ NHÂN	174.000.000	174.000.000	-	-	-
		Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ					
	6404						
	6449	Chi khác	174.000.000	174.000.000			
		Chi về hàng hoá dịch vụ	76.000.000	11.250.000	47.250.000	11.250.000	6.250.000
6500		THANH TOÁN DV C/CONG	51.000.000	5.000.000	41.000.000	5.000.000	-
	6501	Tiền điện	36.000.000		36.000.000		
	6502	Tiền nước	15.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	
	6503	Tiền nhiên liệu	-				
	6504	Tiền vệ sinh, môi trường	-				
	6549	Chi khác					
6550		VẬT TƯ VĂN PHÒNG	25.000.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000

Mục	Tiểu mục	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021 được duyệt	CHIA RA			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	6551	Văn phòng phẩm	25.000.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
	6552	Mua sắm công cụ, d/cụ VP					
	7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ qui định					
7950		CHI LẬP CÁC QUỸ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	52.200.000	-	-	52.200.000	-
	7952	Chi lập quỹ phúc lợi					
	7953	Chi lập quỹ khen thưởng	52.200.000			52.200.000	
	7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động SN					
8000		CHI HỖ TRỢ & GIẢI QUYẾT VL					
	8049	Chi hỗ trợ khác					

Phụ trách kế toán



Đỗ Thị Trang



Quận 8, ngày 31 tháng 12 năm 2020
PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Ứng Dũng

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
Loại 070 Khoản 073-TK : 9523.3.1073093
NGUỒN NGÂN SÁCH THƯỜNG XUYỀN

Mục	Tiêu mục	NỘI DUNG	Cách tính	ĐVT: 1000 đồng Số tiền
A	B	1	2	3
		<u>PHẦN CHI THƯỜNG XUYỀN</u>		
		Biên chế được duyệt: 126		11.416.404.000
		Số lao động có mặt: 116		
		- Biên chế: 116		
		- Hợp đồng: 7		
		<u>Thanh toán cá nhân</u>		
6000		<u>TIỀN LƯƠNG</u>		11.416.404.000
	6001	Lương theo ngạch, bậc		6.357.173.000
	6003	Lương hợp đồng theo chế độ	HSL X 1.210.000 X 12 tháng	6.357.173.000
	6049	Lương khác		
6050		<u>TIỀN CÔNG</u>		224.700.000
	6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	Chi lương BV+PV 12 tháng	224.700.000
6100		<u>PHỤ CẤP LƯƠNG</u>		2.978.507.000
	6101	Phụ cấp chức vụ	Hệ số PCCV x 1.210.000 x 12 tháng	65.886.000
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	HSL X 1.210.000 X 12 tháng	1.612.548.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	HSL X 1.210.000 X 12 tháng	
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề	HSL X 1.210.000 X 12 tháng	1.248.285.000
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	hệ số phụ cấp x 1.210.000 x 12 tháng	51.788.000
6250		<u>PHÚC LỢI TẬP THỂ</u>		
	6299	Các khoản khác		-
6300		<u>CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP</u>		1.553.824.000
	6301	Bảo hiểm xã hội	TQL x 17,5%	1.190.514.000
	6302	Bảo hiểm y tế	TQL x 3%	161.498.000
	6303	Kinh phí công đoàn	TQL x 2%	133.664.000
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	TQL x 1%	68.148.000
	6349	Khác		
6400		<u>CÁC KHOẢN TT CÁ NHÂN</u>		174.000.000
	6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương Ngạch bậc, Chức vụ		
	6449	Chi khác	chi tiền tết theo qui định của UBND thành phố	174.000.000
		<u>Chi về hàng hoá dịch vụ</u>		76000000
6500		<u>THANH TOÁN DV C/CỘNG</u>		51.000.000
	6501	Tiền điện		36.000.000
	6502	Tiền nước		15.000.000
	6503	Tiền nhiên liệu		
	6504	Tiền vệ sinh, môi trường		

Mục	Tiêu mục	NỘI DUNG	Cách tính	Số tiền
A	B	1	2	3
	6549	Chi khác		
6550		<u>VẬT TƯ VĂN PHÒNG</u>		25.000.000
	6551	Văn phòng phẩm		25.000.000
	6552	Mua sắm công cụ, d/cụ VP		
	6599	Vật tư văn phòng khác		
7750		<u>CHI KHÁC</u>		52.200.000
	7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ qui định		52.200.000
7950		<u>CHI LẬP CÁC QUỸ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP</u>		-
	7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập của đơn vị SN có thu		
	7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị SN có thu		
	7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị SN có thu		
	7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động SN của đơn vị SN có thu		

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Trang

Quận 8, ngày 31 tháng 12 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Ứng Dũng